TRƯỜNG THCS HƯNG THỊNH **MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA MÔN HOÁ 8**

**TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN NĂM HỌC: 2022- 2023**

## Tiết 34. KIỂM TRA CUỐI KÌ HỌC KÌ I

**I. Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 1*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 60% trắc nghiệm, 40% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

+ Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

+ Phần trắc nghiệm: 6,0 điểm, *(Tổng 24 câu hỏi: nhận biết: 14 câu; thông hiểu: 10 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

+ Phần tự luận: 4,0 điểm *(Tổng 5 câu: Nhận biết 1 câu : 0,5 điểm; Thông hiểu 1 câu: 0,5 điểm; Vận dụng 2 câu: 2,0 điểm; Vận dụng cao 1 câu: 1,0 điểm).*

+ Nội dung nửa đầu học kì 1: *25% (2,5 điểm)*

+ Nội dung nửa cuối học kì 1: *75% (7,5 điểm)*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Bài 10: Hóa trị**  **Bài 12: Sự biến đổi chất**  **Bài 13: Phản ứng hóa học**  (Tổng 5 tiết) | 4 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 6 | 1 | **2,5** |
| **Chương 2: Phản ứng hóa học (8tiết)** | 4 | 1 | 3 |  |  | 1 |  |  | 7 | 2 | **3,25** |
| **Chương 3: Mol và tính toán hóa học (9 tiết)** | 6 |  | 5 | 1 |  |  |  | 1 | 11 | 2 | **4 ,25** |
| **Số câu TN/ Ý tự luận** | **14** | **0.5** | **10** | **0.5** |  | **2** |  | **1** | 24 | 5 |  |
| **Điểm số** | **3,5** | **0.5** | **2,5** | **0.5** | **0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **6,0** | **4,0** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**II. Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| **Bài 10: Hóa trị**  **Bài 12: Sự biến đổi chất**  **Bài 13: Phản ứng hóa học**  (Tổng 5 tiết) | **Nhận biết** | -Nêu được quy tắc hóa trị.  -Nêu được sự biến đổi chất.  -Nêu được Phản ứng hóa học |  | 1 |  | 1 |
|  | 1 |  | 2 |
|  | 1 |  | 3 |
|  | 1 |  | 4 |
| **Thông hiểu** | - Phân biệt được hiện tượng vật lí và hiện tượng hóa học  - Phân biệt được dấu hiệu phản ứng hóa học xảy ra.  gây ra. |  | **1** |  | 5 |
|  | 1 |  | 6 |
|  |  |  |  |
| **Vận dụng** | -Phân biệt được hiện tượng vật lí và hiện tượng hóa học. | **1** |  | 27 |  |
| **Chương 2: Phản ứng hóa học (8 tiết)**   * **Bài thực hành 3** * **Định luật bảo toàn khối lượng** * **Phương trình hóa học** * **Bài luyện tập 3** | **Nhận biết** | -Nhận biết được dấu hiệu có phản ứng hóa học xảy ra;  -Nêu được:định luật, biết giải thích dựa vào sự bảo toàn về khối lượng của nguyên tử trong phản ứng hóa học;  -HS biết phương trình hoá học biểu diễn phản ứng hoá học.  - Các bước lập phương trình hoá học. | **1** | **1** | 25 | 7 |
|  | 1 |  | 8 |
|  | 1 |  | 9 |
|  | **1** |  | 10 |
| **Thông hiểu** | - Giải thích dựa vào sự bảo toàn về khối lượng của nguyên tử trong phản ứng hóa học;.  - Các bước lập phương trình hoá học  - HS vận dụng được ý nghĩa của phương trình hoá học: Cho biết các chất phản ứng và sản phẩm, tỉ lệ số phân tử, số nguyên tử giữa các chất trong phản ứng.  -Lập PTHH khi biết các chất phản ứng và sản phẩm. |  | **1** |  | 11 |
|  | **1** |  | 12 |
|  | **1** |  | 13 |
|  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng định luật bảo toàn khối lượng vào làm các bài toán hóa học;  - Vận dụng ý nghĩa của phương trình hoá học: Cho biết các chất phản ứng và sản phẩm, tỉ lệ số phân tử, số nguyên tử giữa các chất trong phản ứng. | **1** |  | 28 |  |
|  |  |  |  |
| **Chương 3: Mol và tính toán hóa học (9 tiết)**  Bài 18: Mol  Bài 19: Sự chuyển đổi giữa khối lượng, thể tích và lượng chất  Bài 20: Tỉ khối của chất khí  Bài 21: Tính theo công thức hóa học  Bài 22: Tính theo phương trình hóa học | **Nhận biết** | -- HS biết được định nghĩa: moℓ, khối lượng moℓ, thể tích moℓ của chất khí ở điều kiện tiêu chuẩn (đktc): (0oC, 1 atm).  - HS biết chuyển đổi lượng chất( số mol chất) thành khối lượng chất và ngược lại, biết chuyển đổi khối lượng chất thành lượng chất;  HS biết cách xác định tỉ khối chất khí A đối với khí B và đối với không khí;  -Từ CTHH đã biết, HS biết cách xác định thành phần phần trăm theo khối lượng của các nguyên tố hóa học tạo nên hợp chất;  -Từ thành phần phần trăm theo khối lượng của các nguyên tố tạo nên chất, HS biết cách xác định công thức hóa học của hợp chất.  -Từ PTHH và những số liệu của bài toán, HS biết cách xác định khối lượng của những chất tham gia hoặc khối lượng các sản phẩm;  -Từ PTHH và những số liệu của bài toán, HS biết cách xác định thể tích của những chất khí tham gia hoặc thể tích chất khí sản phẩm. |  | **1** |  | 14 |
|  | **1** |  | 15 |
|  | **1** |  | 16 |
|  | **1** |  | 17 |
|  | **1** |  | 18 |
|  | **1** |  | 19 |
| **Thông hiểu** | -Nêu được nhiên liệu là vật liệugiải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. - HS biết chuyển đổi lượng chất( số mol chất) thành khối lượng chất và ngược lại, biết chuyển đổi khối lượng chất thành lượng chất;  - HS biết chuyển đổi lượng chất khí thành thể tích khí (đktc) và ngược lại, biết chuyển đổi thể tích  -HS biết cách xác định tỉ khối chất khí A đối với khí B và đối với không khí;  -HS biết giải các bài toán hóa học có liên quan đến tỉ khối của chất khí.  - Tính được tỉ khối của khí A đối với khí B, tỉ khối của khí A đối với không khí.  -Từ thành phần phần trăm theo khối lượng của các nguyên tố tạo nên chất, HS biết cách xác định công thức hóa học của hợp chất.  - Kĩ năng dựa vào công thức hoá học tính được tỉ lệ số moℓ, tỉ lệ khối lượng giữa các nguyên tố, giữa các nguyên tố và hợp chất. Tính được thành phần phần trăm về khối lượng của các nguyên tố khi biết công thức hoá học của một số hợp chất và ngược lại.  -Từ PTHH và những số liệu của bài toán, HS biết cách xác định khối lượng của những chất tham gia hoặc khối lượng các sản phẩm;  -Từ PTHH và những số liệu của bài toán, HS biết cách xác định thể tích của những chất khí tham gia hoặc thể tích chất khí sản phẩm.  - Kĩ năng tính được tỉ lệ số moℓ giữa các chất theo phương trình hoá học cụ thể.Tính được khối lượng chất phản ứng để thu được một lượng sản phẩm xác định hoặc ngược lại. | **1** |  | 26 |  |
|  | **1** |  | 20 |
|  | **1** |  | 21 |
|  | **1** |  | 22 |
|  | **1** |  | 23 |
|  | **1** |  | 24 |
|  | **Vận dụng**  **cao** | vận dụng những khái niệm đã học(mol, khối lượng mol, thể tích mol chất khí, tỉ khối của chất khí) để giải các bài toán hóa học tính theo CTHH và PTHH. | **1** |  | 29 |  |
| **Tổng số câu hỏi** |  |  | **5** | **24** |  |  |

**TỔ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Lan Hương**